

Bản án số: 116/2024/HN-ST

Ngày: 23-7-2024

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G – B

Với Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* bà Đặng Thị Ngọc Duyên.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đỗ Thanh Tuyên

Bà Trần Ngọc Diệu

- **Thư ký phiên tòa:** bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B.

Ngày 23/7/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 300/2024/TLST –HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2024 về việc: “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 260/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/7/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Dương Thị M, sinh năm 1994; địa chỉ thường trú: ấp B, xã L, huyện C, tỉnh C1; địa chỉ liên hệ: số 118E3, đường số 3, khu dân cư S, khu phố M, phường 7, thành phố B, tỉnh B (vắng có đơn).

2. *Bị đơn:* anh Phạm Thanh L, sinh năm 1990; địa chỉ: số 111, ấp Q, xã T, huyện G, tỉnh B (vắng có đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/5/2024 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Dương Thị M trình bày:

Chị và anh Phạm Thanh L đã tự nguyện kết hôn vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh B vào ngày 06/8/2020.

Sau khi kết hôn, do bất đồng quan điểm trong mọi vấn đề trong cuộc sống nên hai bên thường xuyên mâu thuẫn gay gắt và đã sống ly thân từ tháng 01/2023 đến nay. Hai bên cũng đã nhiều lần tạo điều kiện hoà giải, hàn gắn nhưng vẫn không cải thiện được. Chị nhận thấy sự bất đồng quan điểm trong cuộc sống ngày càng gay gắt, cuộc sống vợ chồng ngày càng bất hoà, mâu thuẫn, hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục chung sống sẽ gây thiệt hại cho hai bên. Do đó, chị yêu cầu ly

hôn với anh L. Con chung, nợ chung không có. Tài sản chung không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tố tụng, bị đơn anh Phạm Thanh L trình bày:

Anh và chị Dương Thị M tự nguyện kết hôn vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh B vào ngày 06/8/2020.

Sau khi kết hôn, do bất đồng quan điểm trong mọi vấn đề trong cuộc sống nên hai bên thường xuyên mâu thuẫn gay gắt. Hai bên cũng đã nhiều lần tạo điều kiện hoà giải, hàn gắn nhưng vẫn không cải thiện được. Hiện anh và chị M đã ly thân từ tháng 01/2023 cho đến nay. Do hai bên bất đồng quan điểm gay gắt, ngày càng mâu thuẫn, bất hoà, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý ly hôn với chị M. Con chung, nợ chung không có. Tài sản chung không yêu cầu giải quyết.

** Tại phiên tòa:*

Chị Dương Thị M, anh Phạm Thanh L vắng nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về thủ tục: tại phiên tòa, chị Dương Thị M, anh Phạm Thanh L vắng nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: chị Dương Thị M và anh Phạm Thanh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh B vào ngày 06/8/2020 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Quá trình tố tụng, chị M, anh L cùng cho rằng do bất đồng quan điểm gay gắt nên hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất hoà và đã sống ly thân từ tháng 01/2023 đến nay. Mặc dù anh chị cũng đã nhiều lần tạo điều kiện hoà giải, hàn gắn nhưng vẫn không đoàn tụ được. Chị M cho rằng hai bên không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn nên yêu cầu ly hôn với anh L. Anh L cũng xác định hai bên không còn tình cảm, không tham gia phiên hoà giải và đồng ý ly hôn với chị M. Cả hai đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Qua đó có cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn giữa chị M và anh L đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài và không còn khả năng hàn gắn. Do đó, xét yêu cầu ly hôn của chị M là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật tại các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: không có.

[3] Về tài sản chung: chị M, anh L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: chị M và anh L trình bày không có.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Dương Thị M phải nộp số tiền là 300.000 đồng theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/- Chấp nhận yêu cầu của chị Dương Thị M được ly hôn với anh Phạm Thanh L.

2/- Con chung: không có.

3/- Tài sản chung: chị M, anh L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4/- Nợ chung: chị M, anh L khai không có.

5/- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: buộc chị Dương Thị M phải nộp số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005201 ngày 11/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Do đó, án phí sơ thẩm, chị M đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B
- VKSND huyện;
- Chi cục THA huyện;
- UBND xã T,
(G, B);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Ngọc Duyên

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Duyên

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Duyên

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ 30 phút ngày 26 tháng 6 năm 2024.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Đặng Thị Ngọc Duyên.
- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Phú Chánh Thê

Ông Nguyễn Thanh Khoa

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 178/2024/TLST – HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2024 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: chị Thái Thị Thanh Thảo, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp 17, xã L Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang (vắng có đơn).

2. *Bị đơn*: anh Đặng Quang Đạt, sinh năm 1992; địa chỉ: ấp 1, xã Hưng Nhượng, huyện G, tỉnh B (vắng mặt).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Áp dụng các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/- Chấp nhận yêu cầu của chị Thái Thị Thanh Thảo được ly hôn với anh Đặng Quang Đạt.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

2/- Con chung: Đặng Quang Duy, sinh ngày 02/8/2016.

Giao Đặng Quang Duy, sinh ngày 02/8/2016 cho chị Thảo trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận chị Thảo tự nguyện không yêu cầu anh Đạt cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Đạt có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Toà án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

3/- Tài sản chung, nợ chung: chị Thảo trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

4/- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: buộc chị Thái Thị Thanh Thảo phải nộp số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004949 ngày 11/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Do đó, án phí sơ thẩm, chị Thảo đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

Nghị án kết thúc lúc giờ 00 phút ngày 24/6/2024.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho các thành viên trong Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TÒA**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Đặng Thị Ngọc Duyên

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

BIÊN BẢN GIAO NHẬN

Hôm nay, vào hồigiờ phút, ngàytháng năm 2024.

Tại: Trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện G

* Bên giao: bà Đặng Thị Ngọc Duyên – Thẩm phán

* Bên nhận:-Viện
kiểm sát nhân dân huyện G.

Tiến hành giao nhận: Bản án số 116/2024/HN-ST ngày 23/7/2024 của TAND
huyện G (Dương Thị M – Phạm Thanh L).

Hai bên được nghe, đọc biên bản và đồng ý ký tên

Biên bản kết thúc vào hồi giờ phút cùng ngày.

Người giao

Người nhận

Đặng Thị Ngọc Duyên

.....